

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2021/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách, mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, buôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và mức hỗ trợ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc đề nghị HĐND tỉnh ban hành quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, buôn, tổ dân phố; mức khoán

kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức chi hỗ trợ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư; Báo cáo thẩm tra số 170/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã và mức hỗ trợ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư

1. Quy định 14 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, gồm:

- a) Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy - Tổ chức;
- b) Phụ trách Tuyên giáo - Dân vận;
- c) Phụ trách Văn phòng Đảng ủy;
- d) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- đ) Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự;
- e) Phụ trách Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ - Cải cách hành chính;
- g) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- h) Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- i) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- k) Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- l) Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- m) Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- n) Phụ trách Đài Truyền thanh - Nhà văn hóa;
- o) Phụ trách Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi - Nông lâm nghiệp.

Tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố bố trí số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã cho phù hợp với từng chức danh, nhưng không vượt quá số lượng người hoạt động không chuyên trách quy định tại khoản 2 Điều này. Đối với các địa phương có số lượng người được bố trí ít hơn các chức danh thì có thể bố trí kiêm nhiệm chức danh.

2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công nhận phân loại đơn vị hành chính cấp xã:

- a) Loại 1 tối đa 14 người;
- b) Loại 2 tối đa 12 người;
- c) Loại 3 tối đa 10 người.

3. Mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

a) Chức danh được hưởng mức phụ cấp hằng tháng bằng 1,64 lần mức lương cơ sở/chức danh, gồm:

- Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy - Tổ chức;
- Phụ trách Tuyên giáo - Dân vận;
- Phụ trách Văn phòng Đảng ủy;
- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự;
- Phụ trách Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ - Cải cách hành chính.

b) Chức danh được hưởng mức phụ cấp hằng tháng bằng 1,30 lần mức lương cơ sở/chức danh, gồm:

- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- Phụ trách Đài Truyền thanh - Nhà văn hóa;
- Phụ trách Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi - Nông lâm nghiệp.

4. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh

Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã mà giảm được 01 người trong số lượng tối đa quy định tại khoản 2 Điều này, kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

5. Mức hỗ trợ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã thôi dư:

Người hoạt động không chuyên trách cấp xã; 05 chức danh cán bộ làm việc tại cấp xã nhưng không coi là người hoạt động không chuyên trách quy định tại

điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 33/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chức danh, số lượng, hệ số phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố và sinh hoạt phí đối với một số chức danh cán bộ cơ sở dôi dư, cứ mỗi năm công tác được hỗ trợ $\frac{1}{2}$ tháng phụ cấp theo hệ số phụ cấp hiện hưởng, mức hỗ trợ tối đa không quá 06 tháng phụ cấp. Thời gian công tác từ 03 đến 06 tháng tính bằng $\frac{1}{2}$ năm; từ 06 tháng đến 12 tháng tính bằng 01 năm; dưới 03 tháng không được hưởng hỗ trợ.

Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư, ngoài mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này, còn được hưởng các chế độ, chính sách khi thôi việc theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, buôn, tổ dân phố

1. Mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, tổ dân phố

a) Đối với thôn, buôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn, buôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn, buôn thuộc xã biên giới:

- Bí thư Chi bộ thôn, buôn hưởng bằng 1,70 lần mức lương cơ sở;
- Trưởng thôn, buôn hưởng bằng 1,70 lần mức lương cơ sở;
- Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, buôn hưởng bằng 1,60 lần mức lương cơ sở.

b) Đối với thôn, buôn còn lại và tổ dân phố:

- Bí thư Chi bộ thôn, buôn, tổ dân phố hưởng bằng 1,00 lần mức lương cơ sở;
- Trưởng thôn, buôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố hưởng bằng 1,00 lần mức lương cơ sở;
- Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, buôn, tổ dân phố hưởng bằng 1,00 lần mức lương cơ sở.

2. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, tổ dân phố/tháng

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, tổ dân phố kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, tổ dân phố mà giảm được 01 người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, tổ dân phố trong số lượng tối đa quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng 50%

mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, tổ dân phố. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

3. Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, buôn, tổ dân phố

a) Ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí chi trả cho người trực tiếp tham gia công việc của thôn, buôn, tổ dân phố như sau:

- Hỗ trợ 15.000.000 đồng/năm đối với mỗi thôn, buôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn, buôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, buôn thuộc xã biên giới;

- Hỗ trợ 12.000.000 đồng/năm đối với mỗi thôn, buôn còn lại và tổ dân phố.

b) Người trực tiếp tham gia vào công việc ở thôn, buôn, tổ dân phố còn được hỗ trợ chi trả từ đoàn phí, hội phí khoán cho các đoàn thể và từ các nguồn quỹ khác (nếu có).

c) Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, buôn, tổ dân phố bằng 0,10 lần mức lương cơ sở/người/ngày, trừ 03 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, tổ dân phố quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

Điều 3. Mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và mỗi tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã được khoán bằng 20.000.000 đồng/năm.

2. Mỗi tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, gồm: Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được khoán bằng 17.000.000 đồng/năm/tổ chức.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này và báo cáo kết quả tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 33/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 về quy định chức danh, số lượng, hệ số phụ cấp đối với những người

hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố và sinh hoạt phí đối với một số chức danh cán bộ cơ sở; Nghị quyết số 146/2014/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2014 về sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 1 Nghị quyết số 33/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010; Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 146/2014/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

CHỦ TỊCH

Y Vinh Tor